TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 15 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2022
Về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: **Ông Võ Quang Dũng**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Thạch Ny**
Bà Nguyễn Thị Tiên

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Trương Văn Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước: **Bà Đỗ Thị Hường-** Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2021/TLST – HN&GĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07 /2022/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn*: **Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1955
Trú tại: ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
Vắng mặt

Bị Đơn*: **Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970
Trú tại: ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2021, bản tự khai ngày 18 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Đăng ký số 118/2017 ngày 17 tháng 11 năm 2017). Trong thời gian chung sống, giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N sống hạnh phúc đến hết tháng 5 năm 2021. Tử tháng 6 năm

2021 trở lại đây thì giữa ông T và bà N sống với nhau không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do giữa ông T và bà N có tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống công việc của ai người đó tự lo liệu, không ai quan tâm đến ai. Để tạo điều kiện cho nhau, ông T và bà N đã tự phân chia phân chia tài sản và sống ly thân với nhau. Hiện tại, tình cảm giữa ông T và bà N đã thực sự hết, nếu cứ kéo dài cuộc hôn nhân giữa hai người cũng không có ý nghĩa gì nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N không có con chung nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N đã tự phân chia tài sản nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

-Bà Nguyễn Thị N vắng mặt suốt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T.

1.Về hôn nhân: Đề nghị tuyên xừ cho ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N

2.Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Đức T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là bà Nguyễn Thị N cư trú tại: ấp Bù Xăng, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là là bà Nguyễn Thị N vắng mặt lần thứ hai không có do, áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1]Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2017, do ủy ban nhân dân xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài ký cấp ngày ngày 17 tháng 11 năm 2017 –BL 04). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong thời gian chung sống thì giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N sống với nhau hạnh phúc đến hết tháng 5 năm 2021. Từ đầu tháng 6 năm 2021 đến nay, giữa hai người sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt, dẫn đền hai người sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, tình cảm giữa hai người cũng không cải thiện được gì. Ông Nguyễn Đức T xác định tình cảm mà ông T dành cho bà Nguyễn Thị N đã thực sự hết và có yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Nguyễn Đức T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung và tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2.Về con chung và tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

3.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Đức T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018572 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4.Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND huyện Đồng Phú;
-THA huyện Đồng Phú;
-UBND xã Thuận Phú;
-Các đương sự
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quang Dũng